

Bản án số: 1039/2024/HS-PT  
Ngày 05 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Vào các ngày 29 tháng 10 năm 2024 và ngày 05 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 669/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Lý Thanh Th và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Võ Thanh T và Đỗ Vũ Hoàng Ch đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long A.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1. Bị cáo Võ Thanh T (tên gọi khác: Tr), sinh năm 1971 tại tỉnh Long A; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Long Th, xã Long Th, huyện Cần G, tỉnh Long A; nghề nghiệp: (Không); trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ, sinh năm 1934 (đã chết) và bà Hồ Thị Ph, sinh năm 1937; vợ Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1974 (đã ly hôn); con 01 người, sinh năm 2010; tiền sự: Không; Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2003/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2003, Tòa án nhân dân huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Võ Thanh T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 186/2005/HSST ngày 25 tháng 12 năm 2005, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo

Võ Thanh T 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2003/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Tòa án nhân dân huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Võ Thanh T phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 01 năm 03 tháng tù. Bị cáo Võ Thanh T đã chấp hành xong hình phạt tù, đã nộp án phí ngày 13/11/2023; tạm giam ngày 19 tháng 8 năm 2023; có mặt.

2. Bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Long Th, xã Long Th, huyện Cần G, tỉnh Long A; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: (Không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ H, sinh năm 1944 và bà Võ Thị Hồng Th, sinh năm 1952; vợ Ngô Thị Kim H, sinh năm 1981; con 01 người, sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam ngày 15 tháng 11 năm 2023; có mặt.

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Lý Thanh Th và người tham gia tụng khác nhưng không có kháng cáo và không liên quan tới việc kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Giữa ông Trần Long V và Tạ Nhân Ng có mối quan hệ quen biết. Ông V có nói với Ng rằng nếu giới thiệu được người đến ông V thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền sẽ được trả tiền công. Ng nói lại với bị cáo Lý Thanh Th về việc này. Do cần tiền tiêu xài, bị cáo Th đã làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình và đứng tên bị cáo Võ Thanh T và bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch. Sau khi có được các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, các bị cáo Th, T, Ch đã thế chấp cho ông V để chiếm đoạt tiền nhiều lần cụ thể như sau:

1. Khoảng năm 2020, thông qua trang thông tin “nhận làm giấy tờ giả” trên Facebook và nhắn tin trên Messenger (không nhớ tên tài khoản Messenger của người nhận) với giá là 15.000.000 đồng, bằng hình thức: Chụp hình Giấy chứng minh nhân dân và cung cấp số điện thoại của Th gửi qua tin nhắn Messenger cho người nhận làm giấy giả. Đến chiều cùng ngày, có người (không xác định được nhân thân lai lịch) liên hệ bảo bị cáo Th đi đến phường An L, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BX 259754, thửa đất số 551, tờ bản đồ số 18, diện tích 131,7m<sup>2</sup>, địa chỉ: Ấp Ch, xã Long H, huyện Bến L, tỉnh Long A do bị cáo Thuận đứng tên.

Sau khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Th nói ông Ng đưa đến nhà ông V để vay tiền. Bị cáo Th không nói cho ông Ng biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả. Khi vay tiền của ông V, bị cáo Th giao cho ông V giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên để vay số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất 04%/tháng. Ông V trừ tiền lãi suất

của tháng đầu tiên khi nhận tiền vay là 6.000.000 đồng nên chỉ giao cho bị cáo Th nhận số tiền còn lại là 144.000.000 đồng. Bị cáo Th tiếp tục trả lãi suất 08 tháng tiếp theo cho ông V là 48.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo Th trả lại tiền vay cho ông V là 150.000.000 đồng, ông V trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bị cáo Th.

Lần lượt các lần tiếp theo tương tự, bị cáo Th sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX259754 giả nêu trên mang đến ông V thế chấp để vay tiền, ông V tính lãi suất 04% và trừ tiền lãi của tháng đầu tiên, còn lại giao cho bị cáo nhận như sau: Ngày 10/4/2021, vay số tiền 100.000.000 đồng, trừ tiền lãi suất, ông V giao cho Th nhận số tiền 96.000.000 đồng. Hai bên có lập “Giấy vay tiền” với nội dung Th thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX259754 cho ông V để mượn của ông V số tiền là 100.000.000 đồng, có chữ ký tên và ghi họ tên đầy đủ của bị cáo Th. Các lần cho vay tiền tiếp theo, ông V ghi bổ sung số tiền và ngày vay vào “Giấy vay tiền” bị cáo Th ký tên xác nhận. Ngày 10/5/2021, vay 02 lần tổng số tiền là 100.000.000 đồng, trừ tiền lãi suất và bị cáo Th nhận số tiền là 96.000.000 đồng. Ngày 10/12/2021, vay 100.000.000 đồng, trừ tiền lãi suất, bị cáo Th nhận số tiền 96.000.000 đồng. Ngày 11-02-2022, vay 50.000.000 đồng, trừ tiền lãi suất, bị cáo Th nhận số tiền 48.000.000 đồng.

2. Giữa bị cáo Th với bị cáo Võ Thanh T có mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội. Bị cáo Th biết bị cáo Tuấn không có tiền tiêu xài nên Th nói T làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để giới thiệu chỗ thế chấp để vay tiền. Bị cáo T đồng ý và Th nhận làm với giá 20.000.000 đồng, trong đó Th hưởng lợi 5.000.000 đồng. Tương tự cách làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần trước của Th, sáng ngày 15/6/2021 Th chụp hình Giấy chứng minh nhân dân của T gửi qua tin nhắn Messenger của người trước đó Th đã đặt mua. Chiều cùng ngày, có người tự xưng tên là K (Th không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể) gọi điện thoại cho Th và hẹn đi đến phường An L, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do T đứng tên và trả tiền công là 15.000.000 đồng.

Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CY 761505, thửa đất số 980, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Ấp Lộc T, xã Mỹ L, huyện Cần G, tỉnh Long A, do T đứng tên. Bị cáo Th đi cùng bị cáo T đến nhà ông V để giới thiệu cho bị cáo T thế chấp vay tiền của ông V. Ông V tin tưởng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do T đứng tên là thật nên cho T vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 04%/tháng, trừ tiền lãi suất tháng vay đầu tiên, ông V giao cho bị cáo T nhận số tiền 192.000.000 đồng. Ông V trực tiếp viết “Giấy mượn tiền” bị cáo T ký tên xác nhận và bị cáo Th ký tên người làm chứng. Sau khi nhận được tiền, bị cáo T cho Th 2.000.000 đồng. Trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đang thế chấp cho ông V nêu trên, vào các ngày 26/6, 13/7/2021, bị cáo Tuấn gặp ông V vay thêm tiền, mỗi lần vay 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng, trừ tiền lãi suất vay

04%/tháng, ông V giao bị cáo T nhận tổng số tiền là 96.000.000 đồng. Ông V viết bổ sung vào “Giấy mượn tiền” và T ký tên xác nhận.

3. Giữa bị cáo T với bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch có mối quan hệ họ hàng với nhau. Khoảng tháng 6/2021, bị cáo Ch hỏi mượn tiền của T để tiêu xài, T bảo Ch, T biết có chỗ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Ch đặt mua rồi T sẽ đưa Ch đi thế chấp vay tiền. Ch đồng ý và nhờ T đặt mua cho Ch 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau đó, T gọi điện thoại cho Th đề nhờ đặt mua giúp cho Ch giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. T cho Ch số điện thoại của Th. Ch kết bạn Zalo với Th và chuyển hình ảnh Giấy chứng minh nhân dân của Ch qua cho Th. Ch đưa cho Th số tiền 20.000.000 đồng chi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Cũng như những lần trước, Th gửi ảnh Giấy chứng minh nhân dân của Ch qua tin nhắn của người nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, đến chiều ngày 21/6/2021, có người tên là K, gọi điện bảo Th đi đến phường An L, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CQ 816950, thửa đất số 1857, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Ấp Thuận N, xã Thuận Th, huyện Cần G, tỉnh Long A, do Đỗ Vũ Hoàng Ch đứng tên và thanh toán cho người này số tiền 15.000.000 đồng, Th hưởng lợi 5.000.000 đồng.

Sau đó, bị cáo Th cùng với các bị cáo T và Ch đi đến nhà của ông Vinh để vay tiền. Khi đến nhà của ông V, Th đứng bên ngoài, T đưa Ch vào nhà giới thiệu Ch cho ông V để vay số tiền tiền 250.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do Ch đứng tên nêu trên, ông V tin tưởng bị cáo Ch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thật, nên đồng ý cho vay tiền. Trừ tiền lãi suất tháng vay tiền đầu tiên, ông V giao cho Ch nhận số tiền 240.000.000 đồng. Ông V lập “Giấy mượn tiền” thể hiện nội dung: Bị cáo Ch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để mượn của ông V số tiền 250.000.000 đồng và Ch có ký tên xác nhận. Sau khi nhận được tiền vay, Ch cho Th 3.000.000 đồng. Trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đang thế chấp cho ông V, sau đó Ch đến gặp ông V vay thêm tiền nhiều lần, ông V đồng ý cho vay, trừ tiền lãi suất tháng đầu tiên, số tiền còn lại giao cho bị cáo Ch như sau: Ngày 30/10/2021, vay 150.000.000 đồng, trừ tiền lãi suất, bị cáo Ch nhận số tiền 142.500.000 đồng. Ngày 31/10/2021, vay 250.000.000 đồng, trừ tiền lãi suất, bị cáo Ch nhận số tiền là 235.000.000 đồng. Ngày 01/11/2021, vay 350.000.000 đồng, trừ tiền lãi suất, bị cáo Ch nhận số tiền là 332.500.000 đồng. Ngày 01/12/2021, vay 350.000.000 đồng, trừ tiền lãi suất, bị cáo Ch nhận số tiền là 332.500.000 đồng. Ngày 30/12/2021, vay 650.000.000 đồng, trừ tiền lãi suất, bị cáo Ch nhận số tiền là 617.500.000 đồng. Ngày 01/3/2022, do bị cáo Ch không trả lãi suất đối với các khoản tiền vay trước đó, nên ông V yêu cầu Ch viết giấy nợ tiền lãi suất là 100.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định (tóm tắt):

1. Xử phạt bị cáo Võ Thanh T 13 (Mười ba) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (Bốn) năm tù, về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Tuấn chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 8 năm 2023.

2. Xử phạt bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch 12 (Mười hai) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù, về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/11/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lý Thanh Th, trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, bị cáo Võ Thanh T kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thanh T và bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt với lý do gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật bị hạn chế.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác và những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, các bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở xem xét. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Thanh T trình bày quan điểm:* Bị cáo phạm tội trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, chỉ vì mục đích muốn mượn tiền làm ăn nên bị cáo mới nảy sinh ý định phạm tội; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình; mặc dù bị xác định là có tiền án nhưng thực chất do bị cáo không biết để đóng án phí nên tới năm 2023 bị cáo mới đóng khoản tiền này, do đó xét về tính chất thì bị cáo không phải là đối tượng thuộc trường hợp tái phạm. Tại phiên tòa, bản thân bị cáo rất nắn nắn hỏi cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, đề nghị động viên cho bị cáo cải tạo

tốt thì kính đề nghị Hội đồng xem xét xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là phù hợp.

*Bị cáo Võ Thanh T:* Thống nhất với trình bày của Luật sư.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch trình bày:* Trong vụ án này, bị cáo Ch đã khắc phục toàn bộ hậu quả, cụ thể là đã trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; bản thân bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo chỉ có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng lại được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt liên hệ đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể là xử phạt bị cáo về tội danh này với mức án từ 08 - 09 năm là phù hợp.

*Bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch:* Thống nhất với trình bày của Luật sư.

*Bị cáo Võ Thanh T nói lời nói sau cùng:* Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để về chăm sóc cha mẹ già.

*Bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch nói lời nói sau cùng:* Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về phụng dưỡng cha mẹ già.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; kết quả được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xuất phát từ việc không có tiền tiêu xài cá nhân, đồng thời lợi dụng sự thiếu hiểu biết của ông Trần Long V trong việc nhận diện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các bị cáo Võ Thanh T, Đỗ Vũ Hoàng Ch đã nghe theo lời chỉ dẫn của Lý Thanh Th cùng thống nhất ý chí thực hiện chuỗi hành vi phạm tội trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2021 như sau: Các bị cáo truy cập vào trang mạng xã hội đặt làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình để đem đến thế chấp cho ông V với mục đích chiếm đoạt tiền; cụ thể bị cáo T nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông V số tiền là 286.000.000 đồng; còn bị cáo Ch nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông V số tiền là 1.660.000.000 đồng.

Với hành vi phạm tội như trên, bị cáo Võ Thanh T và bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Võ Thanh T và bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ

thâm đã quy kết, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã dùng thủ đoạn gian dối thông qua những giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đặt làm giả từ đối tượng không rõ lai lịch để tạo niềm tin cho bị hại và sau đó thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo diễn ra trong một thời gian dài, liên tục, kế tiếp nhau về thời gian, cùng một thời điểm các bị cáo đã xâm phạm tới hai khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, đó là quyền sở hữu tài sản của cá nhân và trật tự quản lý hành chính Nhà nước. Vì vậy, cần phải xử phạt mức án đủ nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Đối với bị cáo Võ Thanh T: Bị cáo bị áp dụng 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, h khoản 1 Điều 52; được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Tuấn 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới thì lẽ ra cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, tuy nhiên xét thấy thái độ của bị cáo tại phiên tòa là nghiêm túc, thấy được hành vi sai trái của mình và thiết tha xin được giảm nhẹ một phần hình phạt để có cơ hội làm lại cuộc đời; do đó, Hội đồng xét xử quyết định giảm cho bị cáo một phần hình phạt (về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản) để động viên bị cáo yên tâm chấp cải tạo tốt trong quá trình chấp hành án và cũng là để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[4] Đối với bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch: Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52; được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động tới gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình phạt; bản thân bị cáo có nhân thân tốt. Khi áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên áp dụng quy định này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo (về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản) để bị cáo có thể yên tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội và phụng dưỡng, báo hiếu cha mẹ già.

[5] Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm bào chữa của các Luật sư; không chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thanh T và bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long A về phần hình phạt đối với các bị cáo Võ Thanh T và Đỗ Vũ Hoàng Ch.

1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm g và h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh T 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Võ Thanh T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 8 năm 2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Thanh T 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo việc thi hành án.

2. Áp dụng: Khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù, về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Thanh T và bị cáo Đỗ Vũ Hoàng Ch không phải chịu.

- Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long A không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long A;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long A;
- Công an tỉnh Long A;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long A;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Long A;
- Lưu HSYA, VP, NHTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Mạnh Cường**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đinh Ngọc Thu Hương - Vương Minh Tâm**

**Ngô Mạnh Cường**